TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO **TÒA PHÚC THẨM** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2025/HC-PT
Ngày 25 tháng 11 năm 2025
V/v:*"Khiếu kiện quyết định bồi thường hỗ trợ; Yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Lê Thành Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 109/2025/TLPT-HC ngày 04/10/2025về việc "*Khiếu kiện quyết định bồi thường hỗ trợ; Yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1814/2025/QĐPT-HC ngày 29 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện*:** Ông Trần Minh C, sinh năm 1956; nơi cư trú: 129/60 đường T, tổ A, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (nay là phường C, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh C: Ông Trần Hữu Ý, sinh năm 1996; nơi cư trú: số C, đường L, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) là đại diện theo ủy quyền. Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23 tháng 4 năm 2025 (có mặt).

***- Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh An

Giang) (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Trần Minh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Trần Minh C do ông Trần Hữu Ý đại diện trình bày:*

Ông C được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H06017Be ngày 20/6/2008 sau đó do thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường K, phường V và phường C, thành phố C ngày 15/4/202, nên UBND thành phố C đã ban hành quyết định thu hồi đất diện tích 1.207m^2 và ban hành Quyết định số 1840/QĐ-UBND, ngày 27/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Minh C với nội dung:

Bồi thường, hỗ trợ đối với ông C số tiền 999,500.600 đồng, gồm các khoản:

Bồi thường chi phí về đất: Đất CLN: 1.207,00 m² x 368.000đ/m² 444.176.000 đồng.

Bồi thường chỉ phí về nhà, vật kiến trúc: 26.626.600 đồng.

Bồi thường chỉ phí về cây trồng: 121.105.000 đồng.

Các chính sách hỗ trợ: 407.594.000 đồng.

Trường hợp ông C di dời bàn giao mặt bằng trước kế hoạch của Hội đồng bồi thường thì được khen thưởng 15.000.000 đồng.

Đối với việc bồi thường ông C đồng ý toàn bộ về giá bồi thường và không có yêu cầu gì về giá bồi thường và các phần bồi thường khác trong quyết định. Tuy nhiên, ông C có nguyện vọng được mua 02 nền tái định cư theo giá nhà nước quy định nhưng không được UBND thành phố C đồng ý, ông đã khiếu nại nhưng cả Chủ tịch UBND thành phố C và Chủ tịch UBND tỉnh A không chấp nhận. Do đó ông C khởi kiện để Tòa án xem xét:

Yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1840/QĐ-UBND, ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C, tỉnh An Giang về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Minh C. Buộc UBND thành phố C hỗ trợ cho ông C được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất ông C bị thu hồi để ông C có đường đi lên xuống phần đất còn lại của mình.

** Người bị kiện UBND thành phố C trình bày:*

Ngày 21/10/2020, UBND thành phố có Tờ trình số 268/TTr-UBND trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư xây dựng dự án Đường Đ với diện tích sử dụng đất 57.135,29m^2 gồm địa bàn phường V, phường C B, thành phố C (đính kèm bản vẽ thiết kế cơ sở).

Ngày 24/11/2020, Sở Xây dựng có văn bản số 4035/SXD-KT&QLXD về kết quả thẩm định dự án đầu tư xây dựng Đường Đ, phường V, thành phố C và

trình UBND tỉnh A xem xét, phê duyệt (đính kèm bản vẽ thiết kế cơ sở đóng dấu đã thẩm định).

Theo đó ngày 18/12/2020, UBND tỉnh A ban hành Quyết định số 2971/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Đ, phường V, thành phố C với mục tiêu đầu tư xây dựng: Mở rộng mặt đường hiện hữu tạo sự kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông đồng thời tạo quỹ đất dự trữ cho thành phố. Làm nền tảng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt; Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 57.135,29m^2.

Theo tiêu đề của dự án thì tên dự án là "Đầu tư xây dựng công trình Đường Đ, phường V, thành phố C, tỉnh An Giang" nhưng trong suốt quá trình hình thành bản vẽ thiết kế, hồ sơ trình của UBND thành phố, hồ sơ thẩm định và trình của Sở Xây dựng, Quyết định phê duyệt dự án của UBND tỉnh đều thể hiện phạm vi dự án công trình đầu tư xây dựng Đường Đ thuộc địa bàn phường V và địa bàn phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Căn cứ Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A, Hội đồng bồi thường đã áp dụng giá bồi thường đúng theo Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh A và Quyết định số 2355/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường đê kênh H, theo đó Hội đồng bồi thường đã trình UBND thành phố ban hành Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C về bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Minh C thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Căn cứ đơn khiếu nại ngày 13/9/2022 của ông Trần Minh C, sinh năm 1956, CMND/CCCD số: 089056005834, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH, Ngày 06/3/2023. Qua quá trình kiểm tra, xác minh Thanh tra thành phố C đã tham mưu Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Minh C (lần đầu), trong đó, "*Bác đơn yêu cầu khiếu nại của ông Trần Minh C. Giữ nguyên Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Trần Minh C"* và được Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại lần 2 tại Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 17/12/2024, trong đó *"Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trần Minh C;*

Ông C yêu cầu được mua 02 nền nhà tái định cư theo giá Nhà nước quy định là không có căn cứ giải quyết bởi lẽ căn cứ khoản 1 Điều 36 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh: "Nhà nước giao 01 nền đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất trong trường hợp: Hộ gia đình, cá nhân... bị thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở, hộ gia đình, cả nhân bị thu hồi

hết thửa đất ở duy nhất trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi"; đối chiếu với trường hợp hộ ông C có đất thu hồi diện tích 1.207,00m² là đất CLN và có nhà ở ổn định tại khóm C, phường C B, khi giải tỏa ông C không phải di chuyển chỗ ở.

Do đó, UBND thành phố đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ các hồ sơ bồi thường cho hộ ông Trần Minh C xem xét bác đơn khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ của ông Trần Minh C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 32; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C đối với việc khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1840/QD-UBND ngày 27/12/2021 về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Bác yêu cầu buộc UBND thành phố C hỗ trợ cho ông C được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất ông C bị thu hồi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2025, người khởi kiện là ông Trần Minh C có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện ủy quyền của ông C đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Minh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Minh C làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật T tụng hành chính năm 2015.

Về nội dung:

[4] Đối với Quyết định thu hồi đất:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

UBND thành phố C đã ban hành Quyết định thu hồi đất số 1839/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 về việc thu hồi diện tích 1.207m^2 đất trồng cây lâu năm của ông Trần Minh C để thực hiện Dự án đường K là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013.

[4.2] Về nội dung quyết định:

Căn cứ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt đầu tư xây dựng công trình đường Đ thì thấy tổng diện tích đất thu hồi là 57.135,29m^2 nhằm mục đích mở rộng mặt đường, kết nối giao thông, làm nền tảng phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Đồng thời tạo quỹ đất dự trữ cho thành phố C. Vị trí diện tích đất thu hồi phục vụ cho dự án được xác định rõ trong bản đồ hiện trạng đường đê kênh H theo tỷ lệ 1/500 được thẩm định của Sở Xây dựng tỉnh A. Do đó việc UBND thành phố C ban hành quyết định thu hồi diện tích 1.207m^2 đất trồng cây lâu năm của ông Trần Minh C để thực hiện dự án là đúng đối tượng, đúng diện tích và loại đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Mặt khác, theo Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 18/12/2021 của UBND tỉnh A phê duyệt cho UBND thành phố C thu hồi đất tại phường C B là tạo quỹ đất dự phòng cho thành phố C, chưa phải là thành lập khu tái định cư nên lời trình bày của người bị kiện cho rằng UBND thành phố C thành lập khu tái định cư để đề nghị được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất bị thu hồi là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Đối với Quyết định bồi thường, hỗ trợ:

Thực hiện Dự án đường đê kênh H, ngày 27/12/2021, UBND thành phố C đã ban hành Quyết định số 1839/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 1.207m^2 đất của ông C và ban hành Quyết định số 1840/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho

ông C với tổng số tiền 999.500.600 đồng gồm các khoản bồi thường về đất là 444.176.000 đồng; bồi thường chi phí về nhà, vật kiến trúc là 26.105.000 đồng; chi phí cây trồng là 121.105.000 đồng; các chi phí hỗ trợ chính sách là 407.594.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C xác định ông đồng ý với toàn bộ giá bồi thường về đất, chi phí bồi thường hỗ trợ khác. Tuy nhiên, ông C yêu cầu được mua 02 nền tái định cư nhưng UBND thành phố C không đồng ý nên ông C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1840/QĐ-UBND, ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C, tỉnh An Giang về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Minh C; Buộc UBND thành phố C hỗ trợ cho ông C được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất ông C bị thu hồi để ông C có đường đi lên xuống phần đất còn lại của ông C.

Xét thấy, UBND thành phố C căn cứ theo Quyết định số 2355/QĐ-UBD ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường Đ và quy định tại Điều 74, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013 để ban hành Quyết định 1840 về bồi thường, hỗ trợ cho ông C khi thu hồi đất là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc mua 02 nền tái định cư, thấy rằng: Căn cứ theo khoản 1 Điều 36 Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh A quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, có nêu: "*Nhà nước giao 01 nền đất ở tái định cư có thu tiền sử dụng đất trong trường hợp: Hộ gia đình, cá nhân... bị thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở, hộ gia đình, cả nhân bị thu hồi hết thửa đất ở duy nhất trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi*"; đối chiếu với quy định trên thì trường hợp hộ ông C có đất thu hồi diện tích 1.207,00m² là đất trồng cây lâu năm và ông C có nhà ở ổn định tại khóm C, phường C B, khi giải tỏa ông C không phải di chuyển chỗ ở nên ông C không đủ điều kiện được cấp nền tái định cư.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C về yêu cầu hủy Quyết định 1840 là đúng quy định của pháp luật.

[6] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại:

Như đã nhận định tại mục [5] việc UBND thành phố C ban hành Quyết định 1840 về bồi thường, hỗ trợ cho ông C khi thu hồi diện tích 1.207m^2 để thực hiện dự án xây dựng đường K là đúng quy định của pháp luật. Theo đó, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 286/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND thành phố C và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1954/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh A có nội dung bác khiếu nại của ông C, giữ nguyên Quyết định 1840 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Minh C là người cao tuổi nên không phải theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Minh C; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2025/HC-ST ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1840/QD-UBND ngày 27/12/2021 của UBND thành phố C về việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất đối với ông Trần Minh C và buộc UBND thành phố C hỗ trợ cho ông Trần Minh C được nhận chuyển nhượng 02 nền tái định cư ngay tại phần đất ông C bị thu hồi.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Minh C không phải nộp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VCT&KSXXPT tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (1)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- THADS tỉnh An Giang; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-Tâm).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh